

Bản án số: 02/2023/DS-ST
Ngày: 19 - 7 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lưu Minh Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. ông Hà Quang Dũng.
2. bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: bà Hoàng Thị Thảo Bình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Nguyễn V Kh - sinh năm 1971.
Địa chỉ: khu C, thị trấn T, huyện TC, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.
2. Bị đơn: + anh Hà V B - sinh năm 1982.
Địa chỉ: khu C, thị trấn T, huyện TC, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.
+ chị Nguyễn T H - sinh năm 1986.
Địa chỉ: khu C, thị trấn T, huyện TC, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn V Kh trình bày:

Vào tháng 5 năm 2019 tôi có hợp đồng bằng lời nói với vợ chồng anh Hà V B, chị Nguyễn T H sơn cho gia đình anh B, chị H một căn nhà mái thái tại khu C, thị trấn T, huyện TC, với tổng diện tích 320m². Trước khi làm hợp đồng sơn nhà, hai bên đã thỏa thuận khi nào hoàn thiện sẽ thanh toán 30%, còn lại 70% sẽ trả trong vòng 1 năm sẽ thanh toán hết cho tôi. Hai bên đã thống nhất, nhất trí nội dung thỏa thuận, tôi tiến hành sơn hoàn thiện căn nhà cho gia đình anh B và chi phí hết tổng số tiền sơn và công sơn là 147.533.000 đồng, trong đó tiền công sơn là 20.000.00 đồng

và tiền son là 127.533.000 đồng, giấy tờ ghi nhận tiền son, tôi là người viết, còn anh B ký xác nhận nợ son.

Đến tháng 7 năm 2019 tôi son hoàn thiện nhà xong theo thỏa thuận, anh B đã trả 20.000.000 đồng tiền công son, còn tiền son thì tôi có đề nghị vợ chồng anh B, chị H thanh toán 30% số tiền nhưng hai vợ chồng anh B, chị H đã nói chưa đòi được nợ và hẹn tôi đến tháng 01 năm 2020 sẽ thanh toán, đến tháng 01 năm 2020 tôi có vào đề nghị hai vợ chồng anh B thanh toán tiền son cho tôi, nhưng anh B, chị H đã không trả số tiền 30% cho tôi.

Từ đó đến nay vợ chồng anh B chưa thanh toán cho tôi được một đồng nào. Tôi đã nhiều lần đề nghị hai vợ chồng anh B thu xếp trả cho tôi nhưng đều nhận được câu trả lời là không có tiền trả. Tôi đã nói ai cũng khó khăn vì tôi mua son của công ty, công ty cũng đòi nợ tôi cho nên tôi đã nói tạo điều kiện cho vợ chồng anh B mỗi tháng thanh toán cho tôi 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trả dần, nhưng đến nay tôi chưa được vợ chồng anh B, chị H thanh toán toàn bộ tiền son nhà theo thỏa thuận.

Nay tôi yêu cầu vợ chồng anh Hà Văn B, chị Nguyễn T H phải trả tiền son với tổng số tiền là 127.533.000đ (Một trăm hai mươi bảy triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hà V B và chị Nguyễn T H trình bày:

Năm 2019 vợ chồng tôi xây nhà và có thỏa thuận miệng với anh Nguyễn V Kh về việc son nhà, vợ chồng tôi thỏa thuận với anh Kh khi nào gia đình anh Kh xây nhà thì vợ chồng tôi xây nhà cho anh Kh để bù trừ trả tiền son nhà cho anh Kh, giữa vợ chồng tôi với anh Kh không có thỏa thuận về việc sẽ thanh toán 30%, còn lại 70% sẽ trả trong vòng 1 năm như anh Kh trình bày. Sau khi son nhà xong, chúng tôi đã trả anh Kh 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tiền công son nhà, còn tiền son thì chưa thanh toán cho anh Kh. Anh Kh chưa xây nhà mà đòi vợ chồng tôi trả tiền son chúng tôi không đồng ý trả tiền. Giấy ghi nợ tiền son anh Kh gửi Tòa án chữ ký “B”, chữ viết tên “Hà V B” không phải do anh B ký, viết tên. Nay anh Kh cho rằng vợ chồng tôi nợ tổng số tiền 127.533.000đ (Một trăm hai mươi bảy triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng) là không đúng, chúng tôi không biết cụ thể số tiền nợ anh Kh là bao nhiêu, nhưng ít hơn số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp hợp đồng dịch vụ, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các bị đơn đều trú tại địa bàn thị trấn T, huyện TC, tỉnh Quảng Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Quảng Ninh theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (giấy triệu tập, thông báo) cho bị đơn anh Hà V Bình, chị Nguyễn T H theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng anh B, chị H không đến Tòa án để thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình. Vì vậy anh B, chị H phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn anh Hà V B, chị Nguyễn T H đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Qua yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy:

Vào năm 2019 giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận với nhau bằng lời nói với nội dung bị đơn giao cho nguyên đơn thực hiện sơn 01 ngôi nhà mái thái, diện tích khoảng 320m² thuộc quyền sở hữu của bị đơn; thợ sơn, loại sơn và số lượng sơn do nguyên đơn cung ứng. Sau khi thỏa thuận nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ sơn nhà nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền được nên phát sinh tranh chấp. Do đó có đủ căn cứ xác định việc thỏa thuận của các bên là hợp đồng dịch vụ được Bộ luật Dân sự hiện hành điều chỉnh từ Điều 513 đến Điều 621 của Bộ luật Dân sự.

Xét thấy, hợp đồng dịch vụ nêu trên các bên hoàn toàn tự nguyện thỏa thuận, hợp đồng được các bên thừa nhận, nên đây là những tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên có cơ sở xác định các bên có thỏa thuận hợp đồng bằng lời nói với nội dung nêu trên với nhau.

Xét về nội dung của hợp đồng dịch vụ: Theo quy định tại Điều 514 của Bộ luật Dân sự quy định đối tượng của hợp đồng dịch vụ như sau: *“Đối tượng của hợp đồng dịch vụ là công việc có thể thực hiện được, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội”*. Đó đó thấy rằng việc thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn là nguyên đơn phải thực hiện công việc sơn nhà, đây là công việc thực hiện được, nên hợp đồng này có hiệu lực ngay từ thời điểm ký kết, theo quy định tại Điều 401 Bộ luật Dân sự. Do hợp đồng có hiệu lực nên làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm ký kết.

Sau khi thỏa thuận, nguyên đơn anh Kh đã sơn xong nhà đảm bảo đúng chất lượng, số lượng, thời hạn, địa điểm và bị đơn anh B, chị H sử dụng dịch vụ không có ý kiến gì. Như vậy nguyên đơn anh Kh đã thực hiện xong nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ, do vậy bị đơn anh B, chị H phải có nghĩa vụ trả tiền dịch vụ cho nguyên đơn theo thỏa thuận là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 515 Bộ luật Dân sự.

[2.2] Theo giấy ghi nhận tiền sơn, số lượng và chủng loại sơn do nguyên đơn cung cấp, có căn cứ xác định nguyên đơn anh Kh đã cung ứng sơn cho gia đình anh B, chị H nhiều lần, các lần đều ghi lại số lượng, loại sơn có xác nhận của anh B, thể hiện tổng số tiền 147.533.000 đồng, trong đó tiền sơn là 127.533.000 đồng.

Như vậy, căn cứ các giấy ghi nhận tiền sơn, giá sơn theo Bảng giá sơn & chống thấm NANO của Công ty cổ phần NANO VIỆT NAM và ý kiến của bị đơn thừa nhận đã trả 20.000.000 đồng tiền công sơn nhà, còn tiền sơn chưa trả, Hội đồng xét xử xét thấy anh Nguyễn V Kh yêu cầu anh Hà V B, chị Nguyễn T H trả tiền sơn là có cơ sở để chấp nhận, nên buộc bị đơn anh B, chị H phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn anh Kh tiền sơn là 127.533.000 đồng.

[3] Về án phí: anh Hà V B, chị Nguyễn T H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại anh Nguyễn V Kh số tiền 3.188.000đ (Ba triệu một trăm tám mươi tám nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp ngày 22/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Quảng Ninh.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 513, Điều 514, Điều 515, Điều 517, Điều 518 và Điều 519 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn V Kh đối với anh Hà V B và chị Nguyễn T H.

Buộc anh Hà V B và chị Nguyễn T H có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn V Kh số tiền là 127.533.000đ (Một trăm hai mươi bảy triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả (Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015).

2. Về án phí: anh Hà V B và chị Nguyễn T H liên đới phải chịu 6.376.650đ (Sáu triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho anh Nguyễn V Kh số tiền 3.188.000đ (Ba triệu một trăm tám mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ

phí số 0014469 ngày 22/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Quảng Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn V Kh có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 19/7/2023. Bị đơn anh Hà V B và chị Nguyễn T H vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện TC;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- CCTHADS huyện TC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lưu Minh Đoàn